TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 53/2019/QĐST-HNGĐ	*Hoàn Kiếm, ngày 19 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2019 về "Ly hôn".

XÉT THẤY:

Anh Lê B và chị Lê A kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ngày 06 tháng 02 năm 2007. Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Việc anh chị thỏa thuận nuôi con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn**: Anh **Lê B** – sinh năm 1981; Hộ khẩu thường trú: Số 88 phố M, phường M, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hiện ở tại: số 7, xxx, phường X, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Nơi làm việc: ....., quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

***Bị đơn**: Chị **Lê A** – sinh năm 1981. Hộ khẩu thường trú: Số 88 phố M, phường M, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Nơi làm việc: ....., quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về tình cảm: Anh **Lê B** và chị **Lê A** thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Lê C, sinh ngày ……. và Lê D, sinh ngày …….. Anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn, chị A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Lê C và Lê D; anh B cấp

dưỡng nuôi mỗi con là 2.500.000đồng/tháng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thỏa thuận này của anh chị kể từ tháng 12 năm 2019 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung: anh B, chị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

III. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện chịu cả toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm của anh Lê B là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, biên lai số AA/2016/0003374 ngày 20 tháng 11 năm 2019.

Anh B được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn đồng) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- UBND phường M;
- Chi cục Thi hành án DSQHK;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THU HÀ